

Bản án số: 11/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 09-3-2023

V/v: “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ

Ông Lê Thế Hải

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Viết Chiến – Thư ký Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2022/ TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2032/HNGĐ - ST ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - Sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 15, xã Ngọc Lĩnh, thị xã N, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Ti - Sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 15, xã Ngọc Lĩnh, thị xã N, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức Ti kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Lĩnh huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã N), tỉnh T.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình và địa phương động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Đức Ti.

*Anh Ti trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ham chơi bởi cờ bạc và nợ nhiều người, dẫn

đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh nhận thấy việc làm của mình là sai. Tuy nhiên tình cảm của anh giành cho chị T vẫn đang còn, chị T xin ly hôn anh không đồng ý và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

* Về con chung:

- Chị T trình bày: Chị và anh Ti có 02 con chung là cháu: Nguyễn Đức Tài, Sinh ngày 26/6/2010 và cháu Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh ngày 24/12/2012.

Hiện nay cháu Tài đang ở với anh Ti, cháu Kim Ngân đang ở với chị, ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Ngân và giao cháu Tài cho anh Ti trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại chị đang làm việc tại Công ty giày da, mức thu nhập 1 tháng là 6.000.000đ, chị không yêu cầu anh Ti cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Ti trình bày: Về con chung vợ chồng anh chị có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Nguyện vọng của anh muốn được nuôi dưỡng cháu Tài và cháu Kim Ngân, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, hiện nay anh đang công nhân, mức thu nhập của anh một tháng là 9.000.000đ.

* Về tài sản và công nợ: Chị T và anh Ti không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của cháu Nguyễn Đức Tài: Là con của mẹ T, bố Ti, bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với bố Ti.

* Ý kiến của cháu Nguyễn Thị Kim Ngân: Là con của mẹ T, bố Ti; bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ T.

* Ý kiến của bà Lê Thị Vận (mẹ đẻ anh Ti): Vợ chồng chị T, anh Ti kết hôn vào năm 2009, tại UBND xã Ngọc Lĩnh. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ti ham chơi bởi cờ bạc và nợ một ít tiền dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 6/2022 cho đến nay.

* Tại biên bản xác minh tại thôn 15, xã Ngọc Lĩnh, nơi vợ chồng chị T, anh Ti sinh sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Ti nợ nần nhiều, ngoài ra trong cuộc sống bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện tại Chị T và anh Ti đang sống ly thân.

Chị T và anh Ti có 2 con chung, hiện nay cháu Tài đang ở với anh Ti, cháu Kim Ngân đang ở với chị T.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51,56,81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức Ti.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Kim Ngân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Đức Tài cho anh Ti trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T và anh Ti không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản và công nợ: Chị T và anh Ti không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức Ti kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Lĩnh huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã N), tỉnh T, như vậy hôn nhân giữa chị T và anh Ti là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, ngoài ra anh Ti ham chơi bởi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, bản thân chị T cùng với gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Ti vẫn không thay đổi, dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn. Anh Ti cũng thừa nhận anh hay chơi bởi cờ bạc và nợ nần, nhưng tình cảm của anh giành cho chị T đang còn, chị T xin ly hôn anh không đồng ý và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Tuy nhiên trong thời gian ly thân anh Ti không đưa ra được những giải pháp để vợ chồng đoàn tụ mà bỏ mặc. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Ti đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị T và anh Ti có 02 con chung là cháu: Nguyễn Đức Tài, Sinh ngày 26/6/2010 và cháu Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh ngày 24/12/2012,

Xét thấy: Chị T và anh Ti đều có nguyện vọng nuôi con, song việc giao con cho ai nuôi cần phải đảm bảo tốt về mọi mặt. Hiện nay cháu Tài đang ở với anh Ti, cháu Kim Ngân đang ở với chị T, đều đảm bảo tốt về mọi mặt. Do đó giao cháu Kim Ngân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tài cho anh Ti trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Ti không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị T và anh Ti không yêu cầu toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức Ti được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim Ngân, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đức Tài cho anh Ti trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh Ti không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh Ti được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000^d theo biên lai số AA/2021/12253 ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh T.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ngọc Lĩnh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Học Nguyễn Văn Tòng

Hoàng Thị Hà